

Đơn khiếu nại được gửi đến Chi cục thuế nơi phát hành thông báo thuế, lệnh thu hoặc quyết định xử lý. Trong khi chờ xem xét giải quyết, hộ kinh doanh khiếu nại vẫn phải nộp tiền thuế, tiền phạt theo đúng thời hạn, số tiền thuế, số tiền phạt đã thông báo.

2. Chi cục thuế nhận được đơn khiếu nại của hộ kinh doanh, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn phải trả lời để hộ kinh doanh biết. Nếu cần điều tra, xác minh thêm cũng phải thông báo để hộ kinh doanh biết nhưng thời hạn tối đa không quá 30 ngày.

3. Sau khi Chi cục thuế trả lời, nếu thấy chưa thỏa đáng, hoặc đơn gửi đã quá 30 ngày chưa được trả lời, hộ kinh doanh được quyền khiếu nại lên Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để giải quyết. Trường hợp Cục thuế trả lời, hộ kinh doanh vẫn không đồng ý với kết luận của Cục thuế thì được quyền gửi khiếu nại lên Tổng cục Thuế hoặc Bộ Tài chính.

Quyết định của Bộ Tài chính giải quyết khiếu nại về thuế là quyết định cuối cùng.

4. Việc giải quyết khiếu nại về thuế của hộ kinh doanh cá thể do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thực hiện. Cục thuế chỉ đạo, kiểm tra các Chi cục thuế giải quyết nhanh, dứt điểm các vụ khiếu nại theo đúng luật thuế và thời hạn trên. Nghiêm cấm việc đùn đẩy trách nhiệm giải quyết khiếu nại lên cơ quan cấp trên.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999.

2. Thông tư này chỉ hướng dẫn thêm việc tính thuế, thu thuế đối với các hộ sản xuất kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp. Các quy định khác không nêu trong Thông tư này được thực hiện theo Thông tư số 89/1998/

TT-BTC ngày 27/6/1998 và các văn bản khác của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

3. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 187/1998/TT-BTC ngày 29/12/1998 hướng dẫn bổ sung thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp.

Căn cứ vào Luật Thuế giá trị gia tăng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10/5/1997 và Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP ngày 21/12/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ vào Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 và Thông tư số 175/1998/TT-BTC ngày 24/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung thực hiện thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp như sau:

I. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP

1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Các hoạt động trong xây dựng cơ bản như: khai hoang, kiến thiết xây dựng vườn cây và các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp do các đơn vị bên ngoài nhận thầu, bộ phận xây dựng cơ bản của đơn vị tự làm mà có tổ chức hạch toán kết quả kinh doanh riêng gọi chung là B xây dựng.

2. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng.

Các hoạt động xây dựng cơ bản nêu tại điểm 1 trên đây do đơn vị tự làm, không tổ chức hạch toán kết quả sản xuất, kinh doanh riêng.

3. Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

a) Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5% đối với các hoạt động xây dựng cơ bản như: khai hoang, xây dựng kênh, mương nội đồng, đào đắp bờ vùng, bờ thửa, đường xá và các dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp như: cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương, ao, hồ, trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu bói.

b) Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% đối với các hoạt động xây dựng cơ bản khác không được quy định tại tiết a điểm này.

4. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

a) Đối với các B xây dựng.

Đối với các B xây dựng chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào và được xác định số thuế phải nộp như sau:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp = Thuế giá trị gia tăng đầu ra - Thuế giá trị gia tăng đầu vào

| | | | | |
|------------------------------|---|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | = | Giá trị công trình (hoặc hạng mục công trình) | x | Thuế suất (%) của loại hàng hóa, dịch vụ xây dựng cơ bản đó |
|------------------------------|---|---|---|---|

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của toàn bộ các vật tư, nguyên, nhiên liệu mua ngoài của B xây dựng phục vụ cho việc thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản đó mà có đầy đủ hóa đơn thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

Các B xây dựng kê khai nộp thuế giá trị gia tăng hàng năm theo tiến độ hoặc theo khối lượng công việc hoàn thành do chủ đầu tư (bên A) thanh toán theo từng giai đoạn, từng đợt hoặc từng năm.

b) Đối với các bộ phận xây dựng cơ bản tự làm.

Đối với các hoạt động của bộ phận xây dựng cơ bản tự làm không tổ chức hạch toán kết quả sản xuất, kinh doanh thì không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại điểm 2 nêu trên, đồng thời không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Các vật tư, nguyên, nhiên liệu mua ngoài phục vụ cho xây dựng cơ bản tự làm có thuế giá trị gia tăng đầu vào được hạch toán toàn bộ vào giá thành xây dựng cơ bản của công trình hoặc hạng mục công trình để xác định giá trị tài sản cố định chuyển giao sang sản xuất, kinh doanh.

c) Đối với bên A.

Bên A khi nhận bàn giao các công trình hoặc hạng mục công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh, xác định giá trị tài sản cố định là giá trị chuyển giao của bộ phận xây dựng cơ bản tự làm; giá trị thanh toán cho B xây dựng bao gồm toàn bộ giá thanh toán có cả thuế giá trị gia tăng để tính khấu hao tài sản cố định và bảo toàn vốn; đồng thời làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

II. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM NÔNG, LÂM NGHIỆP

1. Cơ sở sản xuất ra sản phẩm hàng hóa là sản phẩm nông, lâm nghiệp không qua chế biến, trực tiếp bán ra thị trường thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điểm 1, Mục II Thông tư số 89/1998/TT-BTC và không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng. Những vật tư, nguyên,

nhiên, vật liệu mua ngoài có thuế giá trị gia tăng phục vụ cho quá trình sản xuất được phân bổ vào giá thành sản phẩm nông, lâm nghiệp.

2. Sản xuất chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp để tiêu thụ nội địa.

Đơn vị áp dụng thuế giá trị gia tăng theo hình thức khấu trừ trên nguyên tắc:

Thuế giá trị gia tăng phải nộp = Thuế giá trị gia tăng đầu ra - Thuế giá trị gia tăng đầu vào

Trong đó:

$$\text{a) Thuế đầu ra} = \text{Giá bán sản phẩm hàng hóa chưa có thuế giá trị gia tăng} \times \text{Thuế suất thuế giá trị gia tăng của loại hàng hóa đó}$$

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ xác định như sau:

+ Đối với nguyên liệu là sản phẩm nông, lâm nghiệp thu mua trực tiếp của người tự sản xuất bán, thu mua theo giá chỉ đạo do nông trường cung ứng vật tư, mua sản phẩm nguyên liệu vượt khoán; sản phẩm nộp để bù đắp cho chi phí quản lý doanh nghiệp, sản phẩm nộp để thành lập các quỹ của doanh nghiệp; sản phẩm hộ nông trường viên giao nộp cho nông trường thay nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các nông trường tổ chức sản xuất theo hình thức khoán và nguyên liệu do đơn vị tự sản xuất đưa vào chế biến. Đơn vị lập bảng kê theo mẫu số 04/GTGT (bảng kê thu mua hàng nông sản, lâm sản, thủy sản của người trực tiếp sản xuất) quy định tại Thông tư số 89/1998/TT-BTC.

Căn cứ vào bảng kê theo số lượng và giá mua thực tế chi trả người bán để được xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ ở khâu chế biến cụ thể như sau:

$$\text{Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ} = \text{Số lượng nguyên liệu thu mua} \times \text{Giá thu mua đơn vị nguyên liệu đưa vào chế biến theo bảng kê quy định} \times \text{Tỷ lệ (\%) theo loại sản phẩm hàng hóa được khấu trừ thuế}$$

Giá thu mua nguyên liệu đưa vào chế biến theo bảng kê là giá mua hoặc giá thanh toán trực tiếp cho người sản xuất sản phẩm đó do đơn vị trực tiếp đứng ra tổ chức thu mua theo các hình thức như: mua tại nơi sản xuất, mua tại các trạm thu mua hoặc mua tại nhà máy.

Đối với các loại sản phẩm do nông trường tự sản xuất ra thì giá đưa vào chế biến là giá thành sản xuất của sản phẩm đó. Riêng đối với sản phẩm do hộ nông trường viên giao nộp thay thuế sử dụng đất nông nghiệp là giá tính thuế ở địa phương.

+ Vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu khác, dịch vụ mua ngoài phục vụ cho chế biến và các chi phí trong quá trình tiêu thụ sản phẩm có thuế giá trị gia tăng được khấu trừ thuế đầu vào theo quy định chung trong Thông tư số 89/1998/TT-BTC.

3. Đối với vật tư doanh nghiệp mua về cung ứng cho các hộ nông trường viên, cho cán bộ công nhân viên hoặc bán ra cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân dưới dạng kinh doanh thương nghiệp phải được theo dõi và hạch toán riêng như khâu kinh doanh thương nghiệp, phải xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào (phần mua ngoài có thuế giá trị gia tăng) và tính thuế giá trị gia tăng đầu ra khi bán vật tư hàng hóa để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp khâu kinh doanh vật tư.

III. SẢN PHẨM NÔNG, LÂM NGHIỆP LÀ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Sản phẩm nông, lâm nghiệp khi xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng bằng không (0%) nhưng không được khấu trừ theo tỷ lệ 3-5% trên giá trị hàng nông, lâm nghiệp như đối với sản phẩm nông, lâm nghiệp đã qua chế biến để tiêu thụ nội địa, chỉ được tính khấu trừ và hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào ở khâu chế biến đối với hàng hóa nông, lâm nghiệp đã qua chế biến.
- Thuế giá trị gia tăng phần thực nộp ở khâu

thương nghiệp đối với hàng nông, lâm nghiệp đơn vị xuất khẩu thu mua qua các đơn vị thương nghiệp có đủ hóa đơn thuế giá trị gia tăng như quy định.

Tất cả các trường hợp thu mua hàng hóa về để xuất khẩu nếu không có đủ hóa đơn thuế giá trị gia tăng loại được khấu trừ thì khi hàng hóa xuất khẩu không được hoàn thuế (khấu trừ thuế).

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

BỘ THƯƠNG MẠI